TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 15 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Oanh

Bà Lý Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lý Văn H, sinh ngày 15 tháng 12 năm 1971 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Lý Văn T và bà Trương Thị T (đều đã chết); có vợ là Bàn Thị Đ, sinh năm 1973, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

2. Hà Văn A, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1991 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn G, sinh năm 1969 và bà Đặng Thị Q, sinh năm 1971; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

3. Nguyễn Thế H, sinh ngày 09 tháng 02 năm 1987 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Đội 3, thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T (đã chết) và bà Cao Thị D, sinh năm 1962; có vợ là Hoàng Thị D, sinh năm 1990, có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Trương Văn H, sinh năm 1964 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 01/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc C và bà Lý Thị M (đều đã chết); có vợ là Trương Thị X, sinh năm 1964, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Lương Văn T *(Tên gọi khác: Lương Văn K)*, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1962 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn C và bà Đỗ Thị C (đều đã chết); có vợ là Bàn Thị H, sinh năm 1978; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Nguyễn Minh P, sinh ngày 25 tháng 4 năm 1978 tại huyện X, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955; có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1985; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Đỗ Xuân L, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1979 tại huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân Đ (Đã chết) và bà Phạm Thị O, sinh năm 1937; có vợ là Đặng Thị N, sinh năm 1979, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Hoàng Văn L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 1980 tại huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 05/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K, sinh năm 1947 và bà Đặng Thị D, sinh năm 1946; có vợ là Lý Thị T sinh năm 1979, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. Lý Văn N, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1990 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Kim T, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1964; có vợ là Bàn Thị Đ, sinh năm 1994; có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

10. Đặng Văn Đ, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1978 tại huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 03/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn N, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Đặng Thị Q, sinh năm 1940; có vợ là Bàn Thị X, sinh năm 1977; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Lý Văn Đ, sinh năm 1985. Có mặt.

- Anh Lý Văn Q, sinh năm 1977. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 16 giờ ngày 29/11/2018, tại gia đình Lý Văn H, sinh năm 1971 thuộc Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã phát hiện và bắt quả tang các đối tượng: Lý Văn H, sinh năm 1971; Hoàng Văn L, sinh năm 1980; Trương Văn H, sinh năm 1964; Nguyễn Minh P, sinh năm 1978; Lương Văn T, sinh năm 1962; Đặng Văn Đ, sinh năm 1978; Đỗ Xuân L, sinh năm 1979; Nguyễn Thế H, sinh năm 1987 và Lý Văn N, sinh năm 1990 đang có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền mặt.

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm: Tiền mặt là 16.389.000đ (*Mười sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*) gồm nhiều loại mệnh giá khác nhau; 01 *(một)* bát sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh, bát cũ đã qua sử dụng; 01 *(một)* đĩa sứ màu trắng có hoa văn màu hồng, đĩa cũ đã quan sử dụng; 04 *(bốn)* quân bạc được làm bằng đóm tre có hai mặt, một mặt được bôi màu đen, một mặt màu trắng; 01 *(một)* chiếu nhựa, có hoa văn màu xanh, đỏ, vàng chiếu cũ đã qua sử dụng; 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, loại bàn phím số, máy đã qua sử dụng không kiểm tra phần máy bên trong thu giữ của Nguyễn Thế H; 03 *(ba)* điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại bàn phím số, đã qua sử dụng không kiểm tra phần máy bên trong thu giữ của Trương Văn H, Nguyễn Minh P và Lương Văn T; 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, loại bàn phím số, đã

qua sử dụng không kiểm tra phần máy bên trong thu giữ của Đặng Văn Đ; 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu đen, loại bàn phím số, đã qua sử dụng không kiểm tra phần máy bên trong thu giữ của Lý Văn H; 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng không kiểm tra phần máy bên trong thu giữ của Lý Văn N; 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng không kiểm tra phần máy bên trong thu giữ của Đỗ Xuân L.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang các đối tượng khai nhận:

Vào khoảng 13 giờ 50 phút ngày 29/11/2018, Lý Văn H cư trú thôn G, xã T, huyện B đang ở nhà thì có Trương Văn H, cư trú thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang và Đặng Văn Đ, cư trú thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang cùng nhau đi bộ từ vườn cam của con trai Trương Văn H ở thôn G, xã T, huyện B, trên đường đi thì gặp Lương Văn T, cư trú ở tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang cũng đi xem vườn cam đang trên đường về nhà, cả ba cùng nhau vào nhà Lý Văn H để uống nước. Đến khoảng 14 giờ 00 phút Hà Văn A cũng đến nhà Lý Văn H thì gặp Trương Văn H, Đ, T và Lý Văn H đang ngồi nói chuyện. Lúc này A vào cùng ngồi uống nước và nói chuyện cùng mọi người, được khoảng 5 phút thì Lý Văn H có nói với Hà Văn A, Lương Văn T, Đặng Văn Đ và Trương Văn H là "Mấy anh em mình chơi tý nhỉ" (ý của Lý Văn H là cùng nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng). Sau đó mọi người đồng ý, lúc này Lý Văn H đi xuống bếp của gia đình lấy một que đóm bằng tre, cắt làm 04 quân bạc một mặt để màu trắng, một mặt bôi than màu đen, còn A đi xuống bếp của gia đình Lý Văn H lấy 01 bát, 01 đĩa bằng sứ màu trắng rồi cùng Lý Văn H mang đến vị trí của H, Đ, T đang ngồi tại chiếu trải sẵn ở phòng khách. Sau đó H, Đ, T, A và Lý Văn H cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Việt nam đồng. Hà Văn A là người trực tiếp xóc cái, A cho 04 quân bạc vào trong đĩa úp bát lên và dùng tay xóc nhiều lần rồi đặt xuống chiếu, sau đó những người tham gia đánh bạc bắt đầu đặt tiền cược cửa chẵn, cửa lẻ, số tiền đặt cược tùy thuộc vào từng người, không quy định mức cụ thể mỗi ván là bao nhiêu tiền, quy định bên tay phải của người xóc cái là cửa chẵn, bên tay trái là cửa lẻ. Sau đó A mở bát và xem kết quả, nếu cả 04 quân bạc cùng màu đen hoặc màu trắng hoặc 02 quân màu trắng và 02 quân màu đen thì những người đặt cửa chẵn thắng, người đặt cửa lẻ thua; nếu 01 quân màu trắng và 03 quân màu đen hoặc 01 quân màu đen và 03 quân màu trắng thì những người đặt cửa lẻ thắng, người đặt cửa chẵn thua. Sau khi đánh bạc được 02 ván và bị thua thì Đặng Văn Đ không tiếp tục đánh nữa mà ngồi xem. Mọi người cùng nhau đánh bạc đến khoảng 14 giờ 30 phút thì có Lý Văn N cư trú thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang và Hoàng Văn L cư trú thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang cùng đi làm về, khi đi qua nhà Lý Văn H nhìn thấy một số đối tượng đang ngồi đánh bạc với nhau bằng hình thức xóc đĩa, N và L cùng vào xem, được khoảng 5 phút N hỏi mượn Lý Văn H số tiền là 100.000đ với mục đích là để tham gia đánh bạc, Lý Văn H đồng ý cho N mượn số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) và N sử dụng số tiền vừa mượn được vào tham gia đánh bạc. Sau khi chơi được một lúc thấy N đang thắng bạc thì L hỏi mượn của N số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) và L dùng số tiền mượn được của N vào tham gia đánh bạc,

khoảng 10 phút sau thì có Nguyễn Minh P, cư trú thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang làm thuê ở vườn cam gần khu vực nhà của Lý Văn H đến nhà của Lý Văn H, thấy mọi người đang đánh bạc, P cũng vào tham gia. Ngoài ra, trong nhà Lý Văn H lúc đó còn có Lý Văn Q sinh năm 1977 và Lý Văn Đ sinh năm 1985 cùng cư trú Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang cũng có mặt nhưng chỉ ngồi xem không tham gia đánh bạc.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày Nguyễn Thế H cư trú thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang và Đỗ Xuân L cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang đi khai thác và bốc gỗ thuê ở gần nhà Lý Văn H đến nhà Lý Văn H để uống nước. Khi vào nhà Lý Văn H, được khoảng 5 phút thì Nguyễn Thế H và Đỗ Xuân L cũng vào tham gia đánh bạc cùng mọi người. Đến 16 giờ cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền mặt thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang phát hiện bắt quả tang, khi đó Hà Văn A đã bỏ chạy, đến ngày 30/11/2018 A đã ra tự thú.

Ngày 03/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ra quyết định trưng cầu giám định số 11, trưng cầu Phòng PC09 Công an tỉnh Hà Giang giám định số tiền 16.389.000đ (*Mười sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*) đã thu giữ tại chiếu bạc trong vụ án. Tại Kết luận giám định số: 31/KL-PC09 ngày 05/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã kết luận: Số tiền Việt Nam gửi giám định là tiền thật (*Có bảng thống kê mệnh giá tiền và số seri kèm theo*).

Với chứng cứ và hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 31/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Lý Văn H, Hà Văn A, Nguyễn Thế H, Trương Văn H, Lương Văn T, Nguyễn Minh P, Đỗ Xuân L, Hoàng Văn L, Lý Văn N và Đặng Văn Đ về tội *"Đánh bạc"* quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Người làm chứng Lý Văn Q và Lý Văn Đ tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa đều xác nhận: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 29/11/2018, tại gia đình Lý Văn H thuộc thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang có các đối tượng Lý Văn H, Hà Văn A, Nguyễn Thế H, Trương Văn H, Lương Văn T, Nguyễn Minh P, Đỗ Xuân L, Hoàng Văn L, Lý Văn N và Đặng Văn Đ cùng tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền mặt, đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị cơ quan Công an bắt quả tang và thu giữ tại chiếu bạc số tiền là 16.389.000đ (*Mười sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*) cùng với các vật chứng sử dụng vào việc đánh bạc.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lý Văn H, Hà Văn A, Nguyễn Thế H, Trương Văn H, Lương Văn T, Nguyễn Minh P, Đỗ Xuân L, Hoàng Văn L, Lý Văn N và Đặng Văn Đ về tội *"Đánh bạc"*.

* Về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, các Điều 36, 17 và Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lý Văn H từ 18 đến 24 tháng Cải tạo không giam giữ. Thời gian bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, các Điều 36, 17 và Điều 58, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn A từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; Bị cáo Nguyễn Thế H từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, các Điều 36, 17 và Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt các bị cáo Trương Văn H, Hoàng Văn L, Lý Văn N và Đặng Văn Đ, mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, các Điều 36, 17 và Điều 58, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt các bị cáo Lương Văn T, Nguyễn Minh P, Đỗ Xuân L, mỗi bị cáo từ 08 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Do các bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn, đề nghị miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 và khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự,

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

* Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 16.389.000đ (*Mười sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*)

- Tịch thu, tiêu hủy vật chứng gồm: 01 (*một*) bát bằng sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh, bát cũ đã qua sử dụng; 01 (*một*) đĩa bằng sứ màu trắng, có hoa văn màu hồng, đĩa cũ đã qua sử dụng; 04 (*bốn*) quân bạc được làm bằng đóm tre, một mặt được bôi màu màu đen, một mặt màu trắng; 01 (*một*) chiếu bằng nhựa, có hoa văn màu xanh, đỏ, vàng, chiếu cũ đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng và biên lai thu tiền ngày 13/02/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với điều luật áp dụng, tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội và đề nghị miễn khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo Lý Văn H, Hà Văn A, Nguyễn Thế H, Trương Văn H, Lương Văn T, Nguyễn Minh P, Đỗ Xuân L, Hoàng Văn L, Lý Văn N và Đặng Văn Đ trước cơ quan điều tra tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai của người làm chứng tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 29/11/2018; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú; quyết định trưng cầu giám định và Kết luận giám định số: 31/KL-PC09 ngày 05/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, phù hợp về thời gian, địa điểm và các thành phần tham gia, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lý Văn H, Hà Văn A, Nguyễn Thế H, Trương Văn H, Lương Văn T, Nguyễn Minh P, Đỗ Xuân L, Hoàng Văn L, Lý Văn N và Đặng Văn Đ phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, có nội dung quy định như sau:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thuộc tội phạm ít nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng là khách thể được pháp luật Nhà nước ta bảo vệ, hành vi đó còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi đánh bạc của mình là trái pháp luật nhưng vì đua đòi, ham chơi nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi đánh bạc. Trong vụ án này, các bị cáo đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa với mục đích sát phạt nhau được thua bằng tiền. Động cơ, mục đích đánh bạc của các bị cáo là vì tư lợi, nhằm sát phạt tiền là tài sản của nhau. Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc trong vụ án này được xác định là 16.389.000đ (*Mười sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*) nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử lý các bị cáo bằng pháp

luật hình sự với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm giáo dục đối với các bị cáo và để răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do tự phát và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo Lý Văn H là người đầu tiên đề xuất việc đánh bạc, đồng thời là người cắt quân bạc, chuẩn bị công cụ để phạm tội, số tiền bị cáo sử dụng vào đánh bạc trong vụ án này là 400.000đ, nên bị cáo Lý Văn H là người có vai trò thứ nhất; Bị cáo Hà Văn A là người chuẩn bị công cụ vào việc đánh bạc đồng thời là người xóc cái và trực tiếp trả tiền cá cược thắng thua, số tiền bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) nên bị cáo là người có vai trò thứ hai; các bị cáo còn lại trong vụ án đều là đồng phạm tham gia đánh bạc, trong đó số tiền sử dụng vào đánh bạc của các bị cáo cụ thể: Nguyễn Thế H sử dụng khoảng hơn 8.000.000đ (*tám triệu đồng)*; Trương Văn H sử dụng khoảng 2.000.000đ (*hai triệu đồng*); Nguyễn Minh P sử dụng khoảng 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*); Lương Văn T sử dụng khoảng 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*); Lý Văn N sử dụng số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) vay của Lý Văn H vào việc đánh bạc; Hoàng Văn L sử dụng số tiến 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) vay của Lý Văn N; Đặng Văn Đ sử dụng 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên tất cả các bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Thế H, Lương Văn T, Nguyễn Minh P, Đỗ Xuân L còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ đó là gia đình có công với nước, còn bị cáo Hà Văn A được áp dụng thêm tình tiết ra đầu thú, theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này ra các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ như Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa đối với các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét vị trí, vai trò, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc và các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp. Ngoài ra, xét thấy các bị cáo đều lao động tự do, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000

đồng. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều lao động tự do, hoàn cảnh khó khăn và không không có thu nhập ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

* Đối với vật chứng tạm giữ là 09 chiếc điện thoại di động Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 14/QĐ ngày 14/01/2019 trả lại cho các chủ sở hữu, tại phiên tòa các chủ sở hữu không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vật chứng thu giữ của vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Tịch thu số tiền 16.389.000đ (*Mười sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*) do các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, để nộp ngân sách nhà nước.

- Tịch thu: 01 (*một*) đĩa bằng sứ màu trắng, có hoa văn màu hồng, đĩa cũ đã qua sử dụng; 01 (*một*) bát bằng sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh, bát cũ đã qua sử dụng; 04 (*bốn*) quân bạc được làm bằng đóm tre, một mặt được bôi màu màu đen, một mặt màu trắng; 01 (*một*) chiếu bằng nhựa, có hoa văn màu xanh, đỏ, vàng, chiếu cũ đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội không có giá trị và không sử dụng được để tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lý Văn H, Hà Văn A, Nguyễn Thế H, Trương Văn H, Lương Văn T, Nguyễn Minh P, Đỗ Xuân L, Hoàng Văn L, Lý Văn N và Đặng Văn Đ phạm tội "Đánh bạc".

2. Hình phạt:

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, các Điều 36, 17 và Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lý Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018), quy đổi 1 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ (06 x 3) thành 18 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, các Điều 36, 17 và Điều 58, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hà Văn A 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018), quy đổi 1 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ (06 x 3)

thành 18 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018), quy đổi 1 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ (06 x 3) thành 18 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, các Điều 36, 17 và Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt các bị cáo Trương Văn H, Hoàng Văn L, Lý Văn N và Đặng Văn Đ mỗi bị cáo 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018), quy đổi 1 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ (06 x 3) thành 18 ngày. Mỗi bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, các Điều 36, 17 và Điều 58, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt các bị cáo Lương Văn T, Nguyễn Minh P, Đỗ Xuân L mỗi bị cáo 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 30/11/2018 đến ngày 05/12/2018), quy đổi 1 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ (06 x 3) thành 18 ngày. Mỗi bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 07 (bảy) tháng 12 (mười hai) ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Lý Văn H, Hà Văn A, Nguyễn Thế H, Trương Văn H, Lương Văn T, Nguyễn Minh P, Đỗ Xuân L, Hoàng Văn L, Lý Văn N và Đặng Văn Đ.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 16.389.000đ (*Mười sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (*một*) bát bằng sứ màu trắng, có hoa văn màu xanh, bát cũ đã qua sử dụng; 01 (*một*) đĩa bằng sứ màu trắng, có hoa văn màu hồng, đĩa cũ đã qua sử dụng; 04 (*bốn*) quân bạc được làm bằng đóm tre, một mặt được bôi màu đen, một mặt màu trắng; 01 (*một*) chiếu bằng nhựa, có hoa văn màu xanh, đỏ, vàng, chiếu cũ đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng và biên lai thu tiền số 03866 ngày 13 tháng 02 năm 2019, giữa Công an huyện Bắc Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lý Văn H, Hà Văn A, Nguyễn Thế H, Trương Văn H, Lương Văn T, Nguyễn Minh P, Đỗ Xuân L, Hoàng Văn L, Lý Văn N và Đặng Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đàm Thị Tư